TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2022/DS-ST
Ngày: 26 – 9- 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Đô

2. Bà Lê Thị Thận

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa***: Bà Ông Dương Thế Nam- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2022/TLST – DS, ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2022/QĐXX – ST ngày 15 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Diệp Đức Q, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn 5, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1962 và anh Trần Duy K, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Đồng Nai. (Đều vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*: Luật sư Nguyễn Thành T - Công ty luật TNHH MTV Nguyễn Thi- Miền Nam. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Diệp Đức Q trình bày:

Do có quan hệ quên biết nên từ cuối năm 2019 cho đến đầu năm 2020 ông Diệp Đức Q cho anh Trần Duy K và mẹ anh K là bà Phạm Thị D vay nhiều lần với tổng số

tiền là 472 triệu đồng. Cụ thể như sau: Ngày 30/9/2019, anh K, bà D vay số tiền 60 triệu đồng; ngày 30/10/2019 vay số tiền 15 triệu đồng; ngày 20/10/2019 vay số tiền 10 triệu đồng; ngày 30/11/2019 vay số tiền 12 triệu đồng; ngày 13/12/2019 vay số tiền 30 triệu đồng; ngày 06/12/2019 vay số tiền 20 triệu đồng; ngày 20/12/2019 vay số tiền 25 triệu đồng; ngày 15/01/2020 vay tiếp số tiền 300 triệu đồng. Sau khi vay số tiền 300 triệu đồng thì các bên chốt lại các khoản nợ trước đó vào tờ giấy kẻ ô ly, sau đó anh K và bà D ký tên nhận nợ vào tờ giấy này.

Bà D chỉ mới đã trả được 50 triệu đồng tiền gốc ông Q vào tháng 5/2020. Sau đó, bà D và anh K không trả thêm khoản tiền nào khác. Do đó, ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh K và bà D phải trả cho ông Q tổng số tiền đã vay là 422 triệu đồng, không yêu cầu tiền lãi. Ngoài ra, ông Q không có bất cứ yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Phạm Thị D trình bày:

Khoảng thời gian từ tháng 9/2019 đến tháng 12/2019 bà D có vay của ông Diệp Đức Q nhiều lần với tổng số tiền 172 triệu đồng. Khi vay tiền không làm giấy, với lãi suất thỏa thuận miệng 3%/tháng. Sau khi vay tiền thì bà D đều trả lãi hàng tháng. Đến khoảng tháng 01/2020 bà D vay thêm 300 triệu đồng của ông Q để đáo hạn ngân hàng, hẹn khi nào đáo hạn ngân hàng xong thì vay ngân hàng lại trả cho ông Q, lãi xuất thỏa thuận miệng là 3%/tháng. Khi vay số tiền 300 triệu đồng thì ông Q có chốt các khoản nợ trước đó vào 01 tờ giấy kẻ ô ly với số tiền là 172 triệu đồng, đồng thời ghi thêm số tiền vay 300 triệu đồng yêu cầu bà D phải viết giấy vay số tiền 300 triệu đồng. Tổng số tiền vay 172 triệu đồng thì một mình bà D vay với mục đích để trả tiền lãi cho người khác. Đối với số tiền 300 triệu đồng là do một mình bà D vay để trả nợ tiền cho Ngân hàng, tuy nhiên ông Q không đồng ý cho một mình bà D vay mà phải yêu cầu cầu con trai bà D là anh Trần Duy K ký vào giấy thì mới cho vay. Bà D gọi điện cho anh K ra ký tên vào giấy để vay tiền nên anh K mới ký nhưng chỉ với tư cách là người chứng kiến và để cho ông Q đồng ý cho bà D vay tiền chứ anh K không vay, cũng không sử dụng số tiền này.

Bà D đã trả được số tiền 50 triệu đồng tiền gốc và trả lãi theo thỏa thuận cho ông Q tới tháng 3/2020 âm lịch. Từ đó bà D không trả thêm cho ông Q khoản tiền nào cho ông Q. Bà D xác định còn nợ ông Q số tiền 422 triệu đồng và đồng ý trả số tiền này nhưng việc vay tiền không liên quan đến anh K nên không đồng ý yêu cầu buộc anh K cùng liên đới trả nợ cho ông Q. Tuy nhiên hiện nay chồng bà D đang bị bệnh nặng phải điều trị tại bệnh viện, gia đình có hoàn cảnh rất khó khăn nên không thể trả một lần mà xin ông Q cho được trả dần cho đến khi hết nợ.

Bị đơn anh Trần Duy K trình bày:

Sự việc vay bà D vay ông Q tiền từ tháng 9/2019 đến tháng 12/2019 nhiều lần với tổng số tiền 172 triệu đồng thì anh K không biết. Anh K chỉ biết có một lần bà D gọi điện yêu cầu anh K ra ký giấy bà D vay ông Q số tiền 300 triệu đồng thì anh K ra; tại đây ông Q yêu cầu anh K ký vào giấy vay số tiền 300 triệu đồng thì ông Q mới cho bà D vay nên anh K mới đồng ý ký, tuy nhiên anh K ký với tư cách người chứng kiến chứ không phải ký người vay tiền vì thực tế anh K không vay ông Q cũng không sử dụng số tiền này mà người vay và sử dụng là bà D. Do đó anh K không đồng ý cùng bà D trả cho ông Q số tiền theo yêu cầu khởi kiện của ông Q.

Tại phiên tòa :

Nguyên đơn ông Diệp Đức Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý cho bà D trả dần số tiền đã vay; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, buộc bà D và anh K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Q số tiền đã vay là 422 triệu đồng.

Bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B có quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Quan điểm về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Diệp Đức Q về việc yêu cầu anh Trần Duy K phải liên đới cùng bà Phạm Thị D trả cho ông Q số tiền 422 triệu đồng; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Diệp Đức Q, buộc bà Phạm Thị D phải có nghĩa vụ trả cho ông Q số tiền đã vay là 422 triệu đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn khởi kiện bà Phạm Thị D và anh Trần Duy K có hộ khẩu thường trú tại thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước để yêu cầu bà D và anh K phải trả số tiền đã vay là 422.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự cho bị đơn bà Phạm Thị D và anh Trần Duy K. Tuy nhiên bà D và anh K đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về nội dung:

[3] Theo lời trình bày của ông Diệp Đức Q thì từ cuối năm 2019 cho đến đầu năm 2020 ông Q cho anh Trần Duy K và bà Phạm Thị D vay nhiều lần với tổng số tiền là 172.000.000 đồng. Đến ngày 15/01/2020 cho bà D và anh K vay tiếp số tiền 300.000.000 đồng. Khi vay số tiền 300.000.000 đồng thì các bên chốt lại khoản nợ 172.000.0000 trước đó và ghi giấy nhận nợ số tiền 300.000.000 đồng vào tờ giấy kẻ ô ly, sau đó anh K và bà D ký tên vào tờ giấy này. Như vậy, tổng số tiền ông Q cho bà D và anh K vay là 472.000.000 đồng. Bà D thừa nhận toàn bộ lời trình bày của ông Q về việc vay tiền và số tiền vay, tuy nhiên xác định các khoản tiền này chỉ một mình bà D vay và sử dụng, không liên quan đến anh K. Anh K cũng xác định chỉ biết số tiền 300.000.000 đồng và ký tên vào giấy vay nhưng với tư cách là người chứng kiến chứ không phải là người vay.

[4] Xét lời trình bày của các bên đương sự thấy rằng: Tại tờ giấy viết tay mà nguyên đơn cung cấp có tựa đề chị Tư Hùng SĐT 0389996814 có ghi: "*30/9/2019, 60.000.000; 30/10/2019 15.000.000; 20/10/2019 10.000.000; 30/11/2019 12.000.000; 13/12/2019 30.000.000; 06/12/2019 20.000.000; 20/12/2019 25.000.000; 15/1/2020 300.000.000"* hết nội dung này không có chữ xác nhận của bà D hay anh K. Phía dưới có ghi thêm nội dung "*Tôi Phạm Thị D có nhận thêm của chú Năm 300.000.000 (ba trăm triệu chẵn)*" bên dưới chữ "*Người mượn*" là chữ ký và tên Phạm Thị D, bên cạnh là chữ "*Con trai*", bên dưới chữ này là chữ ký và tên Trần Duy K.

Quá trình giải quyết vụ án bà D thừa nhận toàn bộ nội dung chốt nợ tiền từ ngày 30/9/2019 đến ngày 20/12/2019 và nội dung vay số tiền 300.000.000 đồng ngày 15/01/2020 với tổng số tiền 472.000.000 đồng nêu trên là số tiền mà bà D đã vay ông Q. Ông Q và bà D đều xác nhận đã trả được số tiền 50.000.000 đồng nên còn nợ lại số tiền 422.000.000 đồng. Mặc dù trong tờ giấy nêu trên có chữ ký của anh K, nhưng như đã phân tích ở trên, phần chốt nợ số tiền 172.000.0000 đồng không có chữ ký xác nhận của anh K. Đối với việc vay 300.000.000 đồng thì trong giấy nhận nợ chỉ thể hiện nội dung bà D là người nhận tiền và ký tên người mượn chứ không đề cập đến anh K, hơn nữa anh K chỉ ký tên bên dưới nội dung này chứ không ký tên bên dưới người mượn như và Dành. Anh K và bà D không thừa nhận việc anh K cùng bà D vay các khoản tiền trên. Do đó, việc ông Q cho rằng cả bà D và anh K cùng vay tiền của ông Q không có cơ sở.

[5] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ xác định người vay ông Q tổng số tiền 472.000.000 đồng là bà Phạm Thị D, bà D đã trả được số tiền 50.000.000 đồng nên còn nợ số tiền 422.000.000 đồng. Do đó cần buộc bà D phải có nghĩa vụ trả cho ông Q số tiền đã vay 422.000.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần.

[6] Bị đơn bà Phạm Thị D đề nghị được trả dần số tiền 422.000.000 đồng cho nguyên đơn nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý nên đề nghị này của bà D không được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Diệp Đức Q không phải chịu, hoàn trả cho ông Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.550.000 đồng theo Biên lai thu số 0000235 ngày 10/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bà Phạm Thị D sinh ngày 01/01/1962 tính đến thời điểm xét xử đã 60 tuổi là người cao tuổi theo quy định của Luật người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 235 và Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Diệp Đức Q, buộc bà Phạm Thị D phải có nghĩa vụ cho ông Q số tiền 422.000.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi hai triệu đồng*).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Diệp Đức Q buộc anh Trần Duy K có nghĩa vụ liên đới cùng bà Phạm Thị D trả cho ông Q số tiền 422.000.000 (*Bốn trăm hai mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Diệp Đức Q không phải chịu, Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho ông Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.550.000 đồng theo Biên lai thu số 0000235 ngày 10/01/2022.

Bà Phạm Thị D được miễn nộp tiền án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- THA huyện B;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Đào